TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đoàn Mạnh C, nơi cư trú: Số 58 M, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Huyền T, nơi ĐKHKTT: Số 58 M, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: 5636 Lanark Street Vancouver, BC V5P 2Y3, Canada; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn – anh Đoàn Mạnh C, đơn khởi kiện (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) của bị đơn – chị Phạm Huyền T thống nhất trình bày:

Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 12 tháng 10 năm 2007. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tháng 4 năm 2022, cả hai vợ chồng cùng nhau sang Canada để thăm người thân, tuy nhiên đến tháng 9 năm 2022 thì anh C về Việt Nam, còn chị T vẫn ở lại Canada. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hạnh phúc, ít quan

tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T có hai con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 24/01/2008 và Đoàn Mạnh Đ, sinh ngày 15/12/2011. Ly hôn, anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T thỏa thuận chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T xin tự giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là anh Đoàn Mạnh C hiện nay đang sinh sống ở Hải Phòng, bị đơn là chị Phạm Huyền T hiện nay đang sinh sống tại Canada, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định như sau: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 12 tháng 10 năm 2007, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do sự xa cách về địa lý (anh Đoàn Mạnh C sinh sống ở Việt Nam còn chị Phạm Huyền T sinh sống ở nước ngoài), nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hạnh phúc, ít quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến

nay. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T.

[4] Về con chung: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T thống nhất có hai con chung là Đoàn Mạnh T, sinh ngày 24/01/2008 và Đoàn Mạnh Đ, sinh ngày 15/12/2011. Xét thấy, anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T thỏa thuận thống nhất: Ly hôn chị T nuôi dưỡng cả 02 con chung. Mặt khác, cháu Đoàn Mạnh T và cháu Đoàn Mạnh Đ có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị Phạm Huyền T. Việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung của anh C và chị T là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cháu Đoàn Mạnh T và cháu Đoàn Mạnh Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đoàn Mạnh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Mạnh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Mạnh C ly hôn chị Phạm Huyền T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đoàn Mạnh T, sinh ngày 24/01/2008 và Đoàn Mạnh Đ, sinh ngày 15/12/2011 cho chị Phạm Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Đoàn Mạnh C và chị Phạm Huyền T xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Đoàn Mạnh C phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000516 ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đoàn Mạnh C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Đoàn Mạnh C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Phạm Huyền T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường H, quận H, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phích